CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
ĐẾN Số: 800
Ngày: 07/8/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 01/GIABAO/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO**

Địa chỉ: **Cụm công nghiệp Quỳnh Giao, xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.**

Điện thoại: **0987.936.965**

Mã số doanh nghiệp: **1001130116** Ngày cấp: 01/02/2018

Nơi cấp: **Sở tài chính tỉnh Thái Bình**

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ISO 22000:2018 số FSMS. 2206202601-DGB, cấp ngày 22/06/2026. Nơi cấp: Công ty TNHH Tiêu chuẩn và chứng nhận DGB.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: SIRO ĐƯỜNG ĐEN

2. Thành phần: Nước (30%), đường vàng (25%), đường trắng (15%), mật rỉ, đường nâu (10%), nước bí đao, mạch nha, chất bảo quản (INS 202), chất chống tạo bọt (INS 900a), chất tạo ngọt (INS 951), hương liệu tổng hợp: đường đen.

3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản sản phẩm:

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong pha chế đồ uống.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 100 g/hộp/chai/can; 500 g/hộp/chai/can; 1 kg/hộp/chai/can; 1,2 kg/hộp/chai/can; 1,3 kg/hộp/chai/can; 5 kg/hộp/chai/can; 20 kg/hộp/chai/can; 25kg/hộp/chai/can.
- Chất liệu bao bì: Bao bì sử dụng để bao gói tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được sản xuất từ nhựa PP/PET. Vật liệu bao gói đáp ứng QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì khác theo yêu cầu của khách hàng.

CỤC THUẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC THUẾ KHU VỰC QUY NHƠN

Số: 2007/TB-CCTKVQN

Quy Nhơn, ngày 27 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

Chi cục Thuế khu vực Quy Nhơn thông báo:

Người nộp thuế: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI BIỂN AN PHÚ

Mã số doanh nghiệp: 4100123456

Địa chỉ trụ sở: Số 12, đường Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Hải

Chức vụ: Giám đốc

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ kết quả xác minh thực tế ngày 20/06/2025 của Đoàn công tác do Chi cục Thuế khu vực Quy Nhơn thành lập theo Quyết định số 1456/QĐ-CCTKVQN ngày 18/06/2025;

Chi cục Thuế khu vực Quy Nhơn thông báo:

1. Người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế kể từ ngày 01/06/2025.

2. Người nộp thuế có nghĩa vụ thông báo với cơ quan thuế về địa chỉ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi địa chỉ.

3. Trường hợp người nộp thuế không thông báo địa chỉ mới hoặc không có mặt tại địa chỉ đã đăng ký khi cơ quan thuế thực hiện các thủ tục quản lý thuế, người nộp thuế phải chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh theo quy định của pháp luật.

4. Chi cục Thuế khu vực Quy Nhơn đề nghị Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Biển An Phú liên hệ với cơ quan thuế để được hướng dẫn giải quyết các thủ tục liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KK&KTT.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Vân

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm *(trường hợp thuê cơ sở sản xuất)*

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *(Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Cơ sở xin cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn của cơ sở tự công bố phù hợp:

- Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng theo Quy chuẩn Việt Nam 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Nghị định 37/2026/NĐ – CP ban hành ngày 23 tháng 01 năm 2026 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- Thông tư 30/2026/TT-BYT ban hành ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Bộ Y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Thông tư 09/VBHN-BYT ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024. Thông tư của Bộ Trưởng Bộ Y Tế: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất số: Số TCCS: 001:2026/GIABAO, Ban hành ngày 01/05/2026.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 01 tháng 8 năm 2026

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký, họ và tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0900113016 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO TỈNH THÁI BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tăng Văn Hải

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ
(Đính kèm bản tự công bố số: 01/GIABAO/2026*)*

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc nước pha: Sản phẩm có màu nâu đen đậm
- Mùi: Thơm đặc trưng của sản phẩm
- Vị: đặc trưng của sản phẩm

2. Giới hạn kim loại nặng trong sản phẩm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Asen (As)	mg/kg	1
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1
3	Chì (Pb)	mg/kg	0.5
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05

3. Giới hạn vi sinh vật trong sản phẩm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^2
2	*Coliforms*	CFU/g	10
3	*Clostridium perfringens*	CFU/g	Không được có
4	*E. Coli*	CFU/g	Không được có
5	*S.aureus*	CFU/g	Không được có
6	*Salmonella*	CFU/g	Không được có
7	Tổng số nấm men – nấm mốc	/25g	10

4. Mức giá trị dinh dưỡng công bố:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100g	208 – 384
2	Protein	g/100g	<1
3	Carbohydrat (không xơ)	g/100g	52.0 – 96.0
4	Chất béo	g/100g	<1
5	Natri (Na)	mg/100g	10.5 – 19.0
6	Đường tổng	g/100g	45.0 – 83.0

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

KLT: .....

1. Tên sản phẩm: SIRO ĐƯỜNG ĐEN

2. Thành phần: Nước (30%), đường vàng (25%), đường trắng (15%), mật rỉ, đường nâu (10%), nước bí đao, mạch nha, chất bảo quản (INS 202), chất chống tạo bọt (INS 900a), chất tạo ngọt (INS 951), hương liệu tổng hợp: đường đen.

3. Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong pha chế đồ uống

4. Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi phát hiện có mùi lạ hoặc hết hạn sử dụng.

NSX: *(in trên bao bì)*

HSD: *12 tháng kể từ ngày sản xuất*

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g sản phẩm

Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Trong 100g
Năng lượng (Calories)	kcal	296
Chất đạm (Protein)	g	0
Carbohydrate (không xơ)	g	73,9
Đường tổng (Total Sugar)	g	64,5
Chất béo (Total Fat)	g	0
Natri (Sodium)	mg	14,9

Số CNCSDĐKATTP: ISO 22000:2018 số FSMS.2206202601-DGB

Số TCB: 01/GIABAO/2026

Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO

Địa chỉ sản xuất: Cụm công nghiệp Quỳnh Giao, xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố số: 01/GIABAO/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO	SIRO ĐƯỜNG ĐEN	Số TCCS: 001:2026/GIABAO
		Có hiệu lực từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố sản phẩm

1. SẢN PHẨM: SIRO ĐƯỜNG ĐEN

2. YÊU CẦU KỸ THUẬT:

2.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

TT	Tên chỉ tiêu	Mô tả yêu cầu
1.	Trạng thái	Dạng lỏng, sánh
2.	Màu sắc	Sản phẩm có màu nâu đen đậm
3.	Mùi vị	Mùi vị đặc trưng của sản phẩm

2.2. Các chỉ tiêu kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Arsen (As)	mg/kg	1
2.	Cadimi (Cd)	mg/kg	1
3.	Chì (Pb)	mg/kg	0.5
4.	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05

2.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^2
2.	*Coliforms*	CFU/g	10
3.	*Clostridium perfringens*	CFU/g	Không được có
4.	*E. Coli*	CFU/g	Không được có
5.	*S.aureus*	CFU/g	Không được có
6.	*Salmonella*	CFU/g	Không được có
7.	Tổng số nấm men – nấm mốc	CFU/g	10

2.4. Các chỉ tiêu dinh dưỡng

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1.	Năng lượng	Kcal/100g	208 – 384

2.	Protein	g/100g	<1
3.	Carbohydrat (không xơ)	g/100g	52.0 – 96.0
4.	Chất béo	g/100g	<1
5.	Natri (Na)	g/100g	10.5 – 19.0
6.	Đường tổng	mg/100g	45.0 – 83.0

3. **THÀNH PHẦN:** Nước (30%), đường vàng (25%), đường trắng (15%), mật rỉ, đường nâu (10%), nước bí đao, mạch nha, chất bảo quản (INS 202), chất chống tạo bọt (INS 900a), chất tạo ngọt (INS 951), hương liệu tổng hợp: đường đen.
4. **QUY CÁCH ĐÓNG GÓI VÀ CHẤT LIỆU BAO BÌ:**

- **Quy cách đóng gói:** 100 g/hộp/chai/can; 500 g/hộp/chai/can; 1 kg/hộp/chai/can; 1,2 kg/hộp/chai/can; 1,3 kg/hộp/chai/can; 5 kg/hộp/chai/can; 20 kg/hộp/chai/can; 25kg/hộp/chai/can. Quy cách đóng gói khác theo yêu cầu của khách hàng.
- **Chất liệu bao bì:** Hộp/chai/can nhựa PP (Chất liệu bao bì đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm của Bộ Y tế).

5. **NGÀY SẢN XUẤT – HẠN SỬ DỤNG:**

- 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất (NSX: ngày/tháng/năm) và hạn sử dụng (HSD: ngày/tháng/năm) in trên bao bì.

6. **THÔNG TIN CẢNH BÁO:** Không dùng sản phẩm hết hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng.
7. **HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG – HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:**

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong pha chế đồ uống

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

8. **XUẤT XỨ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM:**

- Xuất xứ: Việt Nam.
- Sản xuất tại: Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Gia Bảo.
- Địa chỉ sản xuất: Cụm Công nghiệp Quỳnh Giao, xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ISO 22000:2018 số FSMS. 2206202601-DGB, cấp ngày 22/06/2026. Nơi cấp: Công ty TNHH Tiêu chuẩn và chứng nhận DGB.
- Số TCB: 01/GIABAO/2026

Hưng Yên, ngày 04 tháng 8 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tăng Văn Hải

4.	Đường	g/100g	<1
5.	Carbohydrat (không xơ)	g/100g	52,0 – 56,0
6.	Chất béo	g/100g	<1
7.	Natri (Na)	g/100g	10,5 – 19,0
8.	Canxi (Ca)	mg/100g	46,0 – 82,0

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260516-020/1

Ngày phát hành/ *Issue date* : 27/05/2026
Trang/ *Page* : 1/3

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Cụm Công nghiệp Quỳnh Giao, xã Minh Thọ, Tỉnh Hưng Yên, Việt nam
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	16/05/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	16/05/2026 đến 27/05/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**SIRO ĐƯỜNG ĐEN**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong lọ nhựa/ *Samples in plastic jar*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

M.S.D.N: 0316652523 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS - P. LONG TRƯỜNG - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh — *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho: Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ — *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu: Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau — *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau: Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau — *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

Số/ *No.*: VLAB0-260516-020/1

Ngày phát hành/ *Issue date* : 27/05/2026
Trang/ *Page* : 2/3

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ
1.	Định lượng Tổng vi sinh vật hiếu khí/*Enumeration of aerobic microorganism*	ISO 4833-1:2013/ Amd.1:2022(a)	CFU/g	<10	-
2.	Định lượng E.coli dương tính với β-glucuronidase/*Enumeration Escherichia coli β-glucuronidase positive*	TCVN 7924-2: 2008 (ISO 16649-2: 2001)(a)	CFU/g	<10	-
3.	Định lượng Coliforms/*Enumeration of Colifoms*	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)(a)	CFU/g	<10	-
4.	Định lượng Clostridium perfringens/*Enumeration of Clostridium perfringens*	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)(a)	CFU/g	<10	-
5.	Định lượng Staphylococcus aureus/*Enumeration of Staphylococcus aureus*	AOAC 975.55(a)	CFU/g	<10	-
6.	Định lượng nấm men và nấm mốc/*Enumeration of yeasts and moulds*	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)(a)	CFU/g	<10	-
7.	Phát hiện Salmonella spp./*Detection of Salmonella spp.*	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020(a)	/25g	KPH/ND	-
8.	Năng lượng/*Energy*	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003	Kcal/100g	296	-
9.	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm xơ)/*Carbohydrate (not include dietary fiber) content*	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003	g/100g	73,9	-
10.	Hàm lượng đạm/*Protein content*	TCVN 10034:2013(a)	g/100g	KPH/ND	0,3
11.	Hàm lượng Béo tổng/*Total fat content*	VLAB-CH-TP-106(a)	g/100g	KPH/ND	0,3
12.	Hàm lượng Đường tổng (tính theo glucoza)/*Total sugars content (as glucose)*	TCVN 4594:1988(a)	g/100g	64,5	-
13.	Hàm lượng Natri (Na)/*Sodium (Na) content*	VLAB-CH-TP-204 (Ref. AOAC 969.23)(a)	mg/100g	14,9	-
14.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,015

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ *No.*: VLAB0-260516-020/1

Ngày phát hành/ *Issue date* : 27/05/2026
Trang/ *Page* : 3/3

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ
15.	Hàm lượng Chì (Pb)/*Lead (Pb) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,05
16.	Hàm lượng Asen (As)/*Arsenic (As) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,03
17.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/*Mercury (Hg) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,02
18.	Aflatoxin tổng số/*Aflatoxin total*	VLAB-CH-TP-599(a)	µg/kg	KPH/ND	2
19.	Aflatoxin B1	VLAB-CH-TP-599(a)	µg/kg	KPH/ND	0,5

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – kỹ thuật đổ đĩa với hệ số pha loãng là 10, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <10 CFU/g./ *For the microbiological testing method – pour-plate technique with a dilution factor of 10, result of not detected colonies is reported as <10 CFU/g.*

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN

CERTIFICATE

Chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của
Food safety management system

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO
GIA BAO AGRICULTURAL PROCESSING JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở và khu vực sản xuất: Cụm công nghiệp Quỳnh Giao, xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Headquarters and production area: Quynh Giao Industrial Cluster, Minh Tho Commune, Hung Yen Province, Vietnam.

Đã được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn
Has been assessed and found to be in accordance with the requirements of

ISO 22000:2018

CÔNG CHỨNG BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 17 / 07 / 2026
Số chứng thực 24517 Quyển số 01/BS

Trong lĩnh vực/ *For the following scope of registration:*
Sản xuất và đóng gói thực phẩm và đồ uống (*Bao gồm: Đường, sản phẩm sữa đóng chai, nước uống đóng chai, siro quả, sản phẩm ngâm đường, trà, trà nướng, trân châu, thạch và thực phẩm đóng hộp, mứt, sốt quả, siro đường*).
Production and packaging of food and beverages (Including: Sugar, bottled dairy products, bottled drinking water, fruit syrup, sugar-preserved products, tea, roasted tea, tapioca pearls, jelly and canned food, jam, fruit sauce, sugar syrup).

Chứng chỉ số/ *Certification No*: FSMS.220620260001-DGB
Ngày cấp/ *Issued date*: 22/06/2026
Ngày hết hạn/ *Valid date*: 21/06/2029
Giấy chứng nhận sẽ mất hiệu lực nếu khách hàng không vượt qua kỳ đánh giá giám sát hàng năm của DGB.

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ
P. CHỢ DỪA - T.P HÀ NỘI

Đại diện DGB/ On behalf of DGB
Giám đốc/ Director

CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Mạnh Hùng

M.S.D.N: 0012088789 - C.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TIÊU CHUẨN VÀ CHỨNG NHẬN DGB
TỈNH HƯNG YÊN

PHẠM ANH TUẤN

DGB
ISO 22000:2018

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: https://dgb.com.vn
CÔNG TY TNHH TIÊU CHUẨN VÀ CHỨNG NHẬN DGB
Địa chỉ: Số 42B tổ dân phố 02, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Hotline: 0838.882.883

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

M.S.D.N: 1001130116 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO - TỈNH THÁI BÌNH

Mã số doanh nghiệp: 1001130116

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 02 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 11 tháng 10 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIA BAO AGRICULTURAL PRODUCTS PROCESSING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GIABAO APP., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Cụm Công nghiệp Quỳnh Giao, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: *0987.936.965* Fax:

Email: *nongsanhoamai@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 2.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TĂNG VĂN HẢI Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: *14/05/1979* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *030079002270*

Ngày cấp: *05/10/2020* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

* Họ và tên: ĐỖ THỊ THANH NHÀN Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: *05/07/1988* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *025188001461*

Ngày cấp: *09/10/2019* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Phạm Thị Phương

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
ĐẾN Số: 301
Ngày: 7/8/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 02/GIABAO/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO**

Địa chỉ: **Cụm công nghiệp Quỳnh Giao, xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.**

Điện thoại: **0987.936.965**

Mã số doanh nghiệp: **1001130116** Ngày cấp: 01/02/2018

Nơi cấp: **Sở tài chính tỉnh Thái Bình**

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ISO 22000:2018 số FSMS. 2206202601-DGB, cấp ngày 22/06/2026. Nơi cấp: Công ty TNHH Tiêu chuẩn và chứng nhận DGB.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: SIRO BÍ ĐAO

2. Thành phần: Đường vàng (30%), đường trắng (30%), nước (25%), nước bí đao (10%), mạch nha, mật rỉ, chất điều chỉnh độ axit (INS 296), chất bảo quản (INS 202), chất chống tạo bọt (INS 900a), chất tạo ngọt (INS 951), hương liệu tổng hợp: hương bí đao.

3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản sản phẩm:

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong pha chế đồ uống.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 100 g/hộp/chai/can; 500 g/hộp/chai/can; 1 kg/hộp/chai/can; 1,2 kg/hộp/chai/can; 1,3 kg/hộp/chai/can; 5 kg/hộp/chai/can; 20 kg/hộp/chai/can; 25kg/hộp/chai/can.
- Chất liệu bao bì: Bao bì sử dụng để bao gói tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được sản xuất từ nhựa PP/PET. Vật liệu bao gói đáp ứng QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì khác theo yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm *(trường hợp thuê cơ sở sản xuất)*

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *(Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Cơ sở xin cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn của cơ sở tự công bố phù hợp:

- Giới hạn chỉ tiêu độc tốc vi nấm theo Quy chuẩn Việt Nam 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng theo Quy chuẩn Việt Nam 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Giới hạn chỉ tiêu vi sinh vật theo Quy chuẩn Việt Nam 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- Nghị định 37/2026/NĐ – CP ban hành ngày 23 tháng 01 năm 2026 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- Thông tư 30/2026/TT-BYT ban hành ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Bộ Y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Thông tư 09/VBHN-BYT ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024. Thông tư của Bộ Trưởng Bộ Y Tế: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 01 tháng 8 năm 2026

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký, họ và tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0501130116 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO
TỈNH THÁI BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tăng Văn Hải

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ
*(Đính kèm bản tự công bố số:*02/GIABAO/2026*)*

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc nước pha: Màu vàng đặc trưng
- Mùi: Thơm đặc trưng của sản phẩm
- Vị: đặc trưng của sản phẩm

2. Giới hạn độc tố vi nấm trong sản phẩm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng patulin	µg/kg	50

3. Giới hạn kim loại nặng trong sản phẩm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Asen (As)	mg/kg	1
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1
3	Chì (Pb)	mg/kg	1
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

4. Giới hạn Vi sinh vật trong sản phẩm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	E.coli	CFU/g	1×10^2
2	Salmonella	CFU/25g	Không được có

5. Giá trị dinh dưỡng trung bình

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100g	207 - 383
2	Protein	g/100g	< 1
3	Carbohydrat (không xơ)	g/100g	52 - 96
4	Chất béo	g/100g	< 1
5	Natri (Na)	mg/100g	6,9 – 12,5
6	Đường tổng	g/100g	41,9 – 77,0

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

KLT: .....

1. Tên sản phẩm: SIRO BÍ ĐAO

2. Thành phần: Đường vàng (30%), đường trắng (30%), nước (25%), nước bí đao (10%), mạch nha, mật rỉ, chất điều chỉnh độ axit (INS 296), chất bảo quản (INS 202), chất chống tạo bọt (INS 900a), chất tạo ngọt (INS 951), hương liệu tổng hợp: hương bí đao.

3. Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong pha chế đồ uống

4. Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi phát hiện có mùi lạ hoặc hết hạn sử dụng.

NSX: *(in trên bao bì)*

HSD: *12 tháng kể từ ngày sản xuất*

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g sản phẩm

Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Trong 100g
Năng lượng (Calories)	kcal	295
Chất đạm (Protein)	g	0
Carbohydrate (không xơ)	g	73,9
Đường tổng (Total sugar)	g	59,8
Chất béo (Total Fat)	g	0
Natri (Sodium)	mg	9,72

Số CNCSDĐKATTP: ISO 22000:2018 số FSMS.2206202601-DGB

Số TCB: 02/GIABAO/2026

Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO

Địa chỉ sản xuất: Cụm công nghiệp Quỳnh Giao, xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260516-020/2

Ngày phát hành/ *Issue date* : 27/05/2026
Trang/ *Page* : 1/3

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Cụm Công nghiệp Quỳnh Giao, xã Minh Thọ, Tỉnh Hưng Yên, Việt nam
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	16/05/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	16/05/2026 đến 27/05/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**SIRO BÍ ĐAO**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu đựng trong chai nhựa kín/ *Samples in plastic bottles.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ
1.	Định lượng Tổng vi sinh vật hiếu khí/*Enumeration of aerobic microorganism*	ISO 4833-1:2013/ Amd.1:2022(a)	CFU/g	<10	-
2.	Định lượng E.coli dương tính với β-glucuronidase/*Enumeration Escherichia coli β-glucuronidase positive*	TCVN 7924-2: 2008 (ISO 16649-2: 2001)(a)	CFU/g	<10	-
3.	Định lượng Coliforms/*Enumeration of Colifoms*	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)(a)	CFU/g	<10	-
4.	Định lượng Clostridium perfringens/*Enumeration of Clostridium perfringens*	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)(a)	CFU/g	<10	-
5.	Định lượng Staphylococcus aureus/*Enumeration of Staphylococcus aureus*	AOAC 975.55(a)	CFU/g	<10	-
6.	Định lượng nấm men và nấm mốc/*Enumeration of yeasts and moulds*	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)(a)	CFU/g	<10	-
7.	Phát hiện Salmonella spp./*Detection of Salmonella spp.*	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020(a)	/25g	KPH/ND	-
8.	Năng lượng/*Energy*	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003	Kcal/100g	295	-
9.	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm xơ)/*Carbohydrate (not include dietary fiber) content*	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003	g/100g	73,9	-
10.	Hàm lượng đạm/*Protein content*	TCVN 10034:2013(a)	g/100g	KPH/ND	0,3
11.	Hàm lượng Béo tổng/*Total fat content*	VLAB-CH-TP-106(a)	g/100g	KPH/ND	0,3
12.	Hàm lượng Đường tổng (tính theo glucoza)/*Total sugars content (as glucose)*	TCVN 4594:1988(a)	g/100g	59,8	-
13.	Hàm lượng Natri (Na)/*Sodium (Na) content*	VLAB-CH-TP-204 (Ref. AOAC 969.23)(a)	mg/100g	9,72	-
14.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,015

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ
15.	Hàm lượng Chì (Pb)/*Lead (Pb) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,05
16.	Hàm lượng Asen (As)/*Arsenic (As) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,03
17.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/*Mercury (Hg) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,02
18.	Aflatoxin tổng số/*Aflatoxin total*	VLAB-CH-TP-599(a)	µg/kg	KPH/ND	2
19.	Aflatoxin B1	VLAB-CH-TP-599(a)	µg/kg	KPH/ND	0,5
20.	Patulin	VLAB-CH-TP-686(a)	µg/kg	KPH/ND	5

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – kỹ thuật đổ đĩa với hệ số pha loãng là 10, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <10 CFU/g./ *For the microbiological testing method – pour-plate technique with a dilution factor of 10, result of not detected colonies is reported as <10 CFU/g.*

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 1001130116

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 02 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 11 tháng 10 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIA BAO AGRICULTURAL PRODUCTS PROCESSING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GIABAO APP., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Cụm Công nghiệp Quỳnh Giao, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: *0987.936.965* Fax:

Email: *nongsanhoamai@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 2.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TĂNG VĂN HẢI Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: *14/05/1979* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *030079002270*

Ngày cấp: *05/10/2020* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

* Họ và tên: ĐỖ THỊ THANH NHÀN Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: *05/07/1988* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *025188001461*

Ngày cấp: *09/10/2019* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Phạm Thị Phương

M.S.D.N: 1001130116 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO
TỈNH THÁI BÌNH

GIẤY CHỨNG NHẬN

CERTIFICATE

Chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của
Food safety management system

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO
GIA BAO AGRICULTURAL PRODUCTS PROCESSING JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở và sản xuất: Cụm Công nghiệp Quỳnh Giao, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam.
Head office & Factory: Headquarters and Production: Quynh Giao Industrial Cluster, Quynh Giao Commune, Quynh Phu District, Thai Binh Province, Viet Nam.

Đã được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn
Has been assessed and found to be in accordance with the requirements of

ISO 22000:2018

Trong lĩnh vực/ *For the following scope of registration:*
Sản xuất chế biến nông sản (siro quả, quả ngâm đường, trà nướng)
Production and processing of agricultural products (fruit syrup, candied fruits, roasted tea).

Chứng chỉ số/ *Certification No:* FSMS.2012243-DGB
Ngày cấp/ *Issue date:* 20./12./2024
Ngày hết hạn/ *Valid date:* 19./12./2027

Giấy chứng nhận sẽ mất hiệu lực nếu khách hàng không vượt qua kỳ đánh giá giám sát hàng năm của DGB.

Đại diện DGB/ On behaft of DGB
Giám đốc/ Director

M.S.D.N: 1001208789 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TIÊU CHUẨN VÀ CHỨNG NHẬN DGB
TỈNH THÁI BÌNH

Nguyễn Văn Hảo

ISO 22000:2018

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
ĐẾN Số: 302
Ngày: 7/8/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 03/GIABAO/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO**

Địa chỉ: **Cụm công nghiệp Quỳnh Giao, xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.**

Điện thoại: **0987.936.965**

Mã số doanh nghiệp: **1001130116** Ngày cấp: 01/02/2018

Nơi cấp: **Sở tài chính tỉnh Thái Bình**

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ISO 22000:2018 số FSMS. 2206202601-DGB, cấp ngày 22/06/2026. Nơi cấp: Công ty TNHH Tiêu chuẩn và chứng nhận DGB.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: MỨT ĐÀO

2. Thành phần: Đường trắng (40%), miếng đào (35%), nước, chất tạo gel (pectin), chất nhũ hóa (INS 415), chất làm dày CMC (INS 466), chất tạo màu tổng hợp (INS 102), chất bảo quản (INS 202), chất điều chỉnh độ axit (INS 330, INS 331, INS 296), chất chống tạo bọt (INS 900a), chất tạo đục (clouding agent), hương liệu tổng hợp.

3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản sản phẩm:

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong pha chế đồ uống.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 100 g/hộp/chai/can; 500 g/hộp/chai/can; 1 kg/hộp/chai/can; 1,2 kg/hộp/chai/can; 1,3 kg/hộp/chai/can; 5 kg/hộp/chai/can; 20 kg/hộp/chai/can; 25kg/hộp/chai/can.
- Chất liệu bao bì: Bao bì sử dụng để bao gói tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được sản xuất từ nhựa PP/PET. Vật liệu bao gói đáp ứng QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì khác theo yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm *(trường hợp thuê cơ sở sản xuất)*

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *(Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Cơ sở xin cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn của cơ sở tự công bố phù hợp:

- Giới hạn chỉ tiêu độc tốc vi nấm theo Quy chuẩn Việt Nam 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng theo Quy chuẩn Việt Nam 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Giới hạn chỉ tiêu vi sinh vật theo Quy chuẩn Việt Nam 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm

- Nghị định 37/2026/NĐ – CP ban hành ngày 23 tháng 01 năm 2026 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Thông tư 30/2026/TT-BYT ban hành ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Bộ Y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

- Thông tư 09/VBHN-BYT ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024. Thông tư của Bộ Trưởng Bộ Y Tế: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 01 tháng 8 năm 2026

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký, họ và tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tăng Văn Hải

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ
(Đính kèm bản tự công bố số: 03/GIABAO/2026*)*

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc nước pha: Màu vàng cam đặc trưng
- Mùi: Thơm đặc trưng của sản phẩm
- Vị: đặc trưng của sản phẩm

2. Giới hạn độc tố vi nấm trong sản phẩm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng patulin	µg/kg	50

3. Giới hạn kim loại nặng trong sản phẩm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Asen (As)	mg/kg	1
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1
3	Chì (Pb)	mg/kg	1
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

4. Giới hạn vi sinh vật trong sản phẩm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	E.coli	CFU/g	1×10^2
2	Salmonella	CFU/25g	Không được có

6. Mức giá trị dinh dưỡng công bố:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100g	147 – 270
2	Protein	g/100g	<1
3	Carbohydrat (không xơ)	g/100g	37.0 – 67.0
4	Chất béo	g/100g	<1
5	Natri (Na)	mg/100g	67.0 – 122
6	Đường tổng	g/100g	35.0 – 65.0

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

KLT: .....

1. Tên sản phẩm: MỨT ĐÀO

2. Thành phần: Đường trắng (40%), miếng đào (35%), nước, chất tạo gel (pectin), chất nhũ hóa (INS 415), chất làm dày CMC (INS 466), chất tạo màu tổng hợp (INS 102), chất bảo quản (INS 202), chất điều chỉnh độ axit (INS 330, INS 331, INS 296), chất chống tạo bọt (INS 900a), chất tạo đục (clouding agent), hương liệu tổng hợp.

3. Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong pha chế đồ uống

4. Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi phát hiện có mùi lạ hoặc hết hạn sử dụng.

NSX: *(in trên bao bì)*

HSD: *12 tháng kể từ ngày sản xuất*

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g sản phẩm

Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Trong 100g
Năng lượng (Calories)	kcal	209
Chất đạm (Protein)	g	0,41
Carbohydrate (không xơ)	g	51,9
Chất béo (Total Fat)	g	0
Natri (Sodium)	mg	94,3
Đường tổng	g	50,4

Số CNCSDĐKATTP: ISO 22000:2018 số FSMS.2206202601-DGB

Số TCB: 03/GIABAO/2026

Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO

Địa chỉ sản xuất: Cụm công nghiệp Quỳnh Giao, xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260516-020/3

Ngày phát hành/ *Issue date* : 27/05/2026
Trang/ *Page* : 1/3

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Cụm Công nghiệp Quỳnh Giao, xã Minh Thọ, Tỉnh Hưng Yên, Việt nam
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	16/05/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	16/05/2026 đến 27/05/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**MỨT ĐÀO**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong lọ nhựa/ *Samples in plastic jar*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh — *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho: Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ — *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu: Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau — *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau: Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau — *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260516-020/3

Ngày phát hành/ *Issue date* : 27/05/2026
Trang/ *Page* : 2/3

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ
1.	Định lượng Tổng vi sinh vật hiếu khí/*Enumeration of aerobic microorganism*	ISO 4833-1:2013/ Amd.1:2022(a)	CFU/g	<10	-
2.	Định lượng E.coli dương tính với β-glucuronidase/*Enumeration Escherichia coli β-glucuronidase positive*	TCVN 7924-2: 2008 (ISO 16649-2: 2001)(a)	CFU/g	<10	-
3.	Định lượng Coliforms/*Enumeration of Colifoms*	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)(a)	CFU/g	<10	-
4.	Định lượng Clostridium perfringens/*Enumeration of Clostridium perfringens*	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)(a)	CFU/g	<10	-
5.	Định lượng Staphylococcus aureus/*Enumeration of Staphylococcus aureus*	AOAC 975.55(a)	CFU/g	<10	-
6.	Định lượng nấm men và nấm mốc/*Enumeration of yeasts and moulds*	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)(a)	CFU/g	<10	-
7.	Phát hiện Salmonella spp./*Detection of Salmonella spp.*	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020(a)	/25g	KPH/ND	-
8.	Năng lượng/*Energy*	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003	Kcal/100g	209	-
9.	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm xơ)/*Carbohydrate (not include dietary fiber) content*	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003	g/100g	51,9	-
10.	Hàm lượng đạm/*Protein content*	TCVN 10034:2013(a)	g/100g	0,41	-
11.	Hàm lượng Béo tổng/*Total fat content*	VLAB-CH-TP-106(a)	g/100g	KPH/ND	0,3
12.	Hàm lượng Đường tổng (tính theo glucoza)/*Total sugars content (as glucose)*	TCVN 4594:1988(a)	g/100g	50,4	-
13.	Hàm lượng Natri (Na)/*Sodium (Na) content*	VLAB-CH-TP-204 (Ref. AOAC 969.23)(a)	mg/100g	94,3	-
14.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,015

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ *No.*: VLAB0-260516-020/3

Ngày phát hành/ *Issue date* : 27/05/2026
Trang/ *Page* : 3/3

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ
15.	Hàm lượng Chì (Pb)/*Lead (Pb) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,05
16.	Hàm lượng Asen (As)/*Arsenic (As) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,03
17.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/*Mercury (Hg) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,02
18.	Aflatoxin tổng số/*Aflatoxin total*	VLAB-CH-TP-599(a)	µg/kg	KPH/ND	2
19.	Aflatoxin B1	VLAB-CH-TP-599(a)	µg/kg	KPH/ND	0,5
20.	Patulin	VLAB-CH-TP-686(a)	µg/kg	KPH/ND	5

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – kỹ thuật đổ đĩa với hệ số pha loãng là 10, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <10 CFU/g./ *For the microbiological testing method – pour-plate technique with a dilution factor of 10, result of not detected colonies is reported as <10 CFU/g.*

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 1001130116

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 02 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 11 tháng 10 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIA BAO AGRICULTURAL PRODUCTS PROCESSING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GIABAO APP., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Cụm Công nghiệp Quỳnh Giao, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: *0987.936.965* Fax:

Email: *nongsanhoamai@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 2.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TĂNG VĂN HẢI Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: *14/05/1979* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *030079002270*

Ngày cấp: *05/10/2020* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

* Họ và tên: ĐỖ THỊ THANH NHÀN Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: *05/07/1988* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *025188001461*

Ngày cấp: *09/10/2019* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Phạm Thị Phương

DGB
QUALITY CERTIFICATION

M.S.D.N: 1001130116 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO
TỈNH THÁI BÌNH

GIẤY CHỨNG NHẬN

CERTIFICATE

Chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của
Food safety management system

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO
GIA BAO AGRICULTURAL PRODUCTS PROCESSING JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở và sản xuất: Cụm Công nghiệp Quỳnh Giao, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam.
Head office & Factory: Headquarters and Production: Quynh Giao Industrial Cluster, Quynh Giao Commune, Quynh Phu District, Thai Binh Province, Viet Nam.

Đã được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn
Has been assessed and found to be in accordance with the requirements of

ISO 22000:2018

Trong lĩnh vực/ *For the following scope of registration:*
Sản xuất chế biến nông sản (siro quả, quả ngâm đường, trà nướng)
Production and processing of agricultural products (fruit syrup, candied fruits, roasted tea).

Chứng chỉ số/ *Certification No*: FSMS.201224.3-DGB
Ngày cấp/ *Issue date*: 20./12./2024
Ngày hết hạn/ *Valid date*: 19./12./2027

Giấy chứng nhận sẽ mất hiệu lực nếu khách hàng không vượt qua kỳ đánh giá giám sát hàng năm của DGB.

Đại diện DGB/ On behaft of DGB
Giám đốc/ Director

DGB
ISO 22000:2018

M.S.D.N: 1001208789 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TIÊU CHUẨN VÀ CHỨNG NHẬN DGB
TỈNH THÁI BÌNH

Nguyễn Văn Hảo

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: https://dgb.com.vn

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
ĐẾN Số: 303
Ngày: 7/8/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 04/GIABAO/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO**

Địa chỉ: **Cụm công nghiệp Quỳnh Giao, xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.**

Điện thoại: **0987.936.965**

Mã số doanh nghiệp: **1001130116** Ngày cấp: 01/02/2018

Nơi cấp: **Sở tài chính tỉnh Thái Bình**

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ISO 22000:2018 số FSMS. 2206202601-DGB, cấp ngày 22/06/2026. Nơi cấp: Công ty TNHH Tiêu chuẩn và chứng nhận DGB.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: MỨT DỨA

2. Thành phần: Miếng dứa 40%, đường trắng 35%, nước, chất tạo gel (pectin), chất nhũ hóa (INS 415), chất làm dày CMC (INS 466), chất bảo quản (INS 202), chất điều chỉnh độ axit (INS 330, INS 331, INS 296), chất tạo màu tổng hợp (INS 102), chất chống tạo bọt (INS 900a), chất tạo đục (clouding agent), hương liệu tổng hợp: hương dứa.

3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản sản phẩm:

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong pha chế đồ uống.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 100 g/hộp/chai/can; 500 g/hộp/chai/can; 1 kg/hộp/chai/can; 1,2 kg/hộp/chai/can; 1,3 kg/hộp/chai/can; 5 kg/hộp/chai/can; 20 kg/hộp/chai/can; 25kg/hộp/chai/can.
- Chất liệu bao bì: Bao bì sử dụng để bao gói tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được sản xuất từ nhựa PP/PET. Vật liệu bao gói đáp ứng QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì khác theo yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm *(trường hợp thuê cơ sở sản xuất)*

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *(Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Cơ sở xin cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn của cơ sở tự công bố phù hợp:

- Giới hạn chỉ tiêu độc tốc vi nấm theo Quy chuẩn Việt Nam 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng theo Quy chuẩn Việt Nam 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Giới hạn chỉ tiêu vi sinh vật theo Quy chuẩn Việt Nam 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- Nghị định 37/2026/NĐ – CP ban hành ngày 23 tháng 01 năm 2026 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- Thông tư 30/2026/TT-BYT ban hành ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Bộ Y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Thông tư 09/VBHN-BYT ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2024. Thông tư của Bộ Trưởng Bộ Y Tế: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 01 tháng 8 năm 2026

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký, họ và tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO TỈNH THÁI BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tăng Văn Hải

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

(Đính kèm bản tự công bố số: 04/GIABAO/2026*)*

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc nước pha: Màu vàng đặc trưng
- Mùi: Thơm đặc trưng của sản phẩm
- Vị: đặc trưng của sản phẩm

2. . Giới hạn độc tố vi nấm trong sản phẩm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng patulin	µg/kg	50

3. Giới hạn kim loại nặng trong sản phẩm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Asen (As)	mg/kg	1
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1
3	Chì (Pb)	mg/kg	1
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

4. Giới hạn vi sinh vật trong sản phẩm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	E.coli	CFU/g	1×10^2
3	Salmonella	CFU/25g	Không được có

6. Mức giá trị dinh dưỡng công bố:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100g	147 – 271
2	Protein	g/100g	< 1
3	Carbohydrat (không xơ)	g/100g	37.0 - 67.0
4	Chất béo	g/100g	0
5	Natri (Na)	mg/100g	89.0 - 165
6	Đường tổng	g/100g	36.0 - 65.0

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

KLT: .....

1. Tên sản phẩm: MỨT DỨA

2. Thành phần: Miếng dứa 40%, đường trắng 35%, nước, chất tạo gel (pectin), chất nhũ hóa (INS 415), chất làm dày CMC (INS 466), chất bảo quản (INS 202), chất điều chỉnh độ axit (INS 330, INS 331, INS 296), chất tạo màu tổng hợp (INS 102), chất chống tạo bọt (INS 900a), chất tạo đục (clouding agent), hương liệu tổng hợp: hương dứa.

3. Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong pha chế đồ uống

4. Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi phát hiện có mùi lạ hoặc hết hạn sử dụng.

NSX: *(in trên bao bì)*

HSD: *12 tháng kể từ ngày sản xuất*

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g sản phẩm

Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Trong 100g
Năng lượng (Calories)	kcal	209
Chất đạm (Protein)	g	0,32
Carbohydrate (không xơ)	g	51,9
Đường tổng (Total Sugar)	g	50,6
Chất béo (Total Fat)	g	0
Natri (Sodium)	mg	127

Số CNCSDĐKATTP: ISO 22000:2018 số FSMS.2206202601-DGB

Số TCB: 04/GIABAO/2026

Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO

Địa chỉ sản xuất: Cụm công nghiệp Quỳnh Giao, xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

KLT: .....

1. Tên sản phẩm: NƯỚC DỪA

2. Thành phần: Dừng dừa xiêm, dương dừng 35%, nước, chất tạo ngọt (pectin), chất điều chỉnh độ acid (INS 331, INS 330), chất tạo màu tổng hợp (INS 102), chất chống tạo bọt (INS 900a), chất tạo độc (cloudring agent), hương liệu tổng hợp, hương dừa.

3. Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong pha chế đồ uống

4. Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Thông tin cảnh báo: Dùng sử dụng sản phẩm khi phát hiện có mốc lỗi hoặc bất kỳ dấu hiệu hư hỏng

NSX: (in theo lô)

HSD: (Không để sử dụng sản xuất)

Giá trị dinh dưỡng trong hình trong 100g sản phẩm

Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Trong 100g
Năng lượng (Calories)	kcal	27
Chất đạm (Protein)	g	0,32
Carbohydrate (tổng số)	g	51,9
Đường tổng (Total Sugar)	g	50,6
Chất béo (Total Fat)	g	0
Natri (Sodium)	mg	127

Số CNCSĐDKATTP: ISO 22000:2018 và FSMS 22000201801-1658

Số TCB: 0402/AR/2020

Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN QUẢ ĐẢO

Địa chỉ sản xuất: Cụm công nghiệp Cuộn Dưa, xã Minh Thọ, huyện Dương Yên, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260516-020/4

Ngày phát hành/ *Issue date* : 27/05/2026
Trang/ *Page* : 1/3

Tên khách hàng/ *Company*(1):	**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO**
Địa chỉ/ *Address*(1):	Cụm Công nghiệp Quỳnh Giao, xã Minh Thọ, Tỉnh Hưng Yên, Việt nam
Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*:	16/05/2026
Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*:	16/05/2026 đến 27/05/2026
Tên mẫu/ *Sample Name*(1):	**MỨT DỨA**
Mô tả mẫu/ *Sample description*:	Mẫu chứa trong lọ nhựa/ *Samples in plastic jar*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS

Nguyễn Quốc Toàn

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/*Testing Center*
Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

VietLabs
Your Trusted Partner

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260516-020/4

Ngày phát hành/ *Issue date* : 27/05/2026
Trang/ *Page* : 2/3

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ
1.	Định lượng Tổng vi sinh vật hiếu khí/*Enumeration of aerobic microorganism*	ISO 4833-1:2013/ Amd.1:2022(a)	CFU/g	<10	-
2.	Định lượng E.coli dương tính với β-glucuronidase/*Enumeration Escherichia coli β-glucuronidase positive*	TCVN 7924-2: 2008 (ISO 16649-2: 2001)(a)	CFU/g	<10	-
3.	Định lượng Coliforms/*Enumeration of Colifoms*	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)(a)	CFU/g	<10	-
4.	Định lượng Clostridium perfringens/*Enumeration of Clostridium perfringens*	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)(a)	CFU/g	<10	-
5.	Định lượng Staphylococcus aureus/*Enumeration of Staphylococcus aureus*	AOAC 975.55(a)	CFU/g	<10	-
6.	Định lượng nấm men và nấm mốc/*Enumeration of yeasts and moulds*	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)(a)	CFU/g	<10	-
7.	Phát hiện Salmonella spp./*Detection of Salmonella spp.*	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020(a)	/25g	KPH/ND	-
8.	Năng lượng/*Energy*	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003	Kcal/100g	209	-
9.	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm xơ)/*Carbohydrate (not include dietary fiber) content*	FAO, Food and Nutrition P.77, 2003	g/100g	51,9	-
10.	Hàm lượng đạm/*Protein content*	TCVN 10034:2013(a)	g/100g	0,32	-
11.	Hàm lượng Béo tổng/*Total fat content*	VLAB-CH-TP-106(a)	g/100g	KPH/ND	0,3
12.	Hàm lượng Đường tổng (tính theo glucoza)/*Total sugars content (as glucose)*	TCVN 4594:1988(a)	g/100g	50,6	-
13.	Hàm lượng Natri (Na)/*Sodium (Na) content*	VLAB-CH-TP-204 (Ref. AOAC 969.23)(a)	mg/100g	127	-
14.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,015

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ *No.*: VLAB0-260516-020/4

Ngày phát hành/ *Issue date* : 27/05/2026
Trang/ *Page* : 3/3

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ
15.	Hàm lượng Chì (Pb)/*Lead (Pb) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,05
16.	Hàm lượng Asen (As)/*Arsenic (As) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,03
17.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/*Mercury (Hg) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,02
18.	Aflatoxin tổng số/*Aflatoxin total*	VLAB-CH-TP-599(a)	µg/kg	KPH/ND	2
19.	Aflatoxin B1	VLAB-CH-TP-599(a)	µg/kg	KPH/ND	0,5
20.	Patulin	VLAB-CH-TP-686(a)	µg/kg	KPH/ND	5

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – kỹ thuật đổ đĩa với hệ số pha loãng là 10, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <10 CFU/g./ *For the microbiological testing method – pour-plate technique with a dilution factor of 10, result of not detected colonies is reported as <10 CFU/g.*

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh	Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh *62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Can Tho	Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ *LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
Bac Lieu	Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau *479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
Ca Mau	Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau *214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

VietLabs
Your Trusted Partner

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/*Testing Center*

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 1001130116

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 02 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 11 tháng 10 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIA BAO AGRICULTURAL PRODUCTS PROCESSING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GIABAO APP., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Cụm Công nghiệp Quỳnh Giao, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: *0987.936.965* Fax:

Email: *nongsanhoamai@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 2.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TĂNG VĂN HẢI Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: *14/05/1979* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *030079002270*

Ngày cấp: *05/10/2020* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

* Họ và tên: ĐỖ THỊ THANH NHÀN Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: *05/07/1988* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *025188001461*

Ngày cấp: *09/10/2019* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Phạm Thị Phương

M.S.D.N: 1001180716 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO
TỈNH THÁI BÌNH

GIẤY CHỨNG NHẬN

CERTIFICATE

Chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của
Food safety management system

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO
GIA BAO AGRICULTURAL PRODUCTS PROCESSING JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở và sản xuất: Cụm Công nghiệp Quỳnh Giao, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam.
Head office & Factory: Headquarters and Production: Quynh Giao Industrial Cluster, Quynh Giao Commune, Quynh Phu District, Thai Binh Province, Viet Nam.

Đã được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn
Has been assessed and found to be in accordance with the requirements of

ISO 22000:2018

Trong lĩnh vực/ *For the following scope of registration:*
Sản xuất chế biến nông sản (siro quả, quả ngâm đường, trà nướng)
Production and processing of agricultural products (fruit syrup, candied fruits, roasted tea).

Chứng chỉ số/ *Certification No*: FSMS.2012243-DGB
Ngày cấp/ *Issue date*: 20/12/2024
Ngày hết hạn/ *Valid date*: 19/12/2027

Giấy chứng nhận sẽ mất hiệu lực nếu khách hàng không vượt qua kỳ đánh giá giám sát hàng năm của DGB.

Đại diện DGB/ On behaft of DGB
Giám đốc/ Director

M.S.D.N: 1001208789 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH TIÊU CHUẨN VÀ CHỨNG NHẬN DGB
TỈNH THÁI BÌNH

Nguyễn Văn Hảo

ISO 22000:2018

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: https://dgb.com.vn

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
ĐẾN Số: 304
Ngày: 7/8/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 06/GIABAO/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO**

Địa chỉ: **Cụm công nghiệp Quỳnh Giao, xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.**

Điện thoại: **0987.936.965**

Mã số doanh nghiệp: **1001130116** Ngày cấp: 01/02/2018

Nơi cấp: **Sở tài chính tỉnh Thái Bình**

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ISO 22000:2018 số FSMS. 2206202601-DGB, cấp ngày 22/06/2026. Nơi cấp: Công ty TNHH Tiêu chuẩn và chứng nhận DGB.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: ĐƯỜNG NÂU

2. Thành phần: Nguyên liệu mía cây 100%

3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản sản phẩm:

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong chế biến thực phẩm.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 500 g/túi; 1 kg/túi.
- Chất liệu bao bì: Bao bì sử dụng để bao gói tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được sản xuất từ nhựa PP. Vật liệu bao gói đáp ứng QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì khác theo yêu cầu của khách hàng.

5. Mẫu nhãn sản phẩm: *(Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)*

I. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Cơ sở xin cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng theo Quy chuẩn Việt Nam 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Nghị định 37/2026/NĐ – CP ban hành ngày 23 tháng 01 năm 2026 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- Theo tiêu chuẩn cơ sở nhà sản xuất số 006:2026/GIABAO đính kèm. Và các văn bản liên quan đến việc đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 01 tháng 8 năm 2026

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký, họ và tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0501130... C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO
TỈNH THÁI BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tăng Văn Hải

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

KLT: .....

1. Tên sản phẩm: ĐƯỜNG NÂU

2. Thành phần: Nguyên liệu mía cây 100%

3. Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong chế biến thực phẩm.

4. Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi phát hiện có mùi lạ hoặc hết hạn sử dụng.

NSX (ngày/tháng/năm): *(in trên bao bì)*

Ngày đóng gói (ngày/tháng/năm): *(in trên bao bì)*

HSD: *18 tháng kể từ ngày sản xuất*

Số CNCSDĐKATTP: ISO 22000:2018 số FSMS. 2206202601-DGB

Số TCB: 06/GIABAO/2026

Đóng gói tại: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO

Địa chỉ đóng gói: Cụm công nghiệp Quỳnh Giao, xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Đính kèm bản tự công bố số: 06/GIABAO/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO	**ĐƯỜNG NÂU**	Số TCCS: 006:2026/GIABAO
		Có hiệu lực từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố sản phẩm

1. SẢN PHẨM: ĐƯỜNG NÂU

2. YÊU CẦU KỸ THUẬT:

2.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

TT	Tên chỉ tiêu	Mô tả yêu cầu
1.	Trạng thái	Dạng hạt nhỏ, khô, rời.
2.	Màu sắc	Sản phẩm có màu nâu
3.	Mùi vị	Mùi vị đặc trưng của sản phẩm

2.2. Các chỉ tiêu độc tố vi nấm

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Aflatoxin B1	µg/kg	5
2.	Aflatoxin tổng số	µg/kg	15

2.3. Các chỉ tiêu kim loại nặng theo QCVN 8-2:2011/BYT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Arsen (As)	mg/kg	1,0
2.	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
3.	Chì (Pb)	mg/kg	0,5
4.	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

2.4. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2.	*Coliforms*	CFU/g	10^2
3.	*E.Coli*	CFU/g	3
4.	*S.aureus*	CFU/g	10^2
5.	*Salmonella*	CFU/25g	Không được có
6.	Tổng số bào tử nấm men – nấm mốc	CFU/g	10^2

3. **THÀNH PHẦN:** Nguyên liệu mía cây 100%.
4. **QUY CÁCH ĐÓNG GÓI VÀ CHẤT LIỆU BAO BÌ:**

- **Quy cách đóng gói:** 500 g/túi; 1 kg/túi. Quy cách đóng gói khác theo yêu cầu của khách hàng.
- **Chất liệu bao bì:** Túi PP (Chất liệu bao bì đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm của Bộ Y tế).

5. **NGÀY SẢN XUẤT – HẠN SỬ DỤNG:**

- 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất (NSX: ngày/tháng/năm), Ngày đóng gói (NĐG: ngày/tháng/năm) và hạn sử dụng (HSD: ngày/tháng/năm) in trên bao bì.

6. **THÔNG TIN CẢNH BÁO:** Không dùng sản phẩm hết hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng.
7. **HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG – HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:**

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trong chế biến thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

8. **XUẤT XỨ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM:**

- Xuất xứ: Việt Nam.
- Đóng gói tại: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO.
- Địa chỉ đóng gói: Cụm Công nghiệp Quỳnh Giao, xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ISO 22000:2018 số FSMS. 2206202601-DGB, cấp ngày 22/06/2026. Nơi cấp: Công ty TNHH Tiêu chuẩn và chứng nhận DGB.
- Số TCB: 06/GIABAO/2026

Hưng Yên, ngày 01 tháng 8 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO

TỈNH THÁI BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tăng Văn Hải

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260602-028/1

Ngày phát hành/ *Issue date* : 08/06/2026
Trang/ *Page* : 1/2

Tên khách hàng/ *Company*(1): **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO**

Địa chỉ/ *Address*(1): Cụm Công nghiệp Quỳnh Giao, Xã Minh Thọ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*: 02/06/2026

Thời gian kiểm nghiệm/ *Testing period*: 02/06/2026 đến 08/06/2026

Tên mẫu/ *Sample Name*(1): **ĐƯỜNG NÂU**

Mô tả mẫu/ *Sample description*: Mẫu chứa trong túi nhựa kín/ *Sample in sealed plastic bag.*

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

Ghi chú/ *Notes*:
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Phiếu kết quả kiểm nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of Laboratory

Phạm Lê Tiến Khánh

Tổng giám đốc
General Director

M.S.D.N: 0316652520 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS P. LONG TRƯỜNG - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Toàn

VietLabs
Your Trusted Partner

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

VALAS 160

Số/ *No.*: VLAB0-260602-028/1

Ngày phát hành/ *Issue date* : 08/06/2026
Trang/ *Page* : 2/2

Kết quả/ *result*

TT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Phương pháp phân tích *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result*	LOQ
1.	Định lượng Tổng vi sinh vật hiếu khí/*Enumeration of aerobic microorganism*	ISO 4833-1:2013/ Amd.1:2022(a)	CFU/g	$1,3 \times 10^2$	-
2.	Định lượng E.coli dương tính với β-glucuronidase/*Enumeration Escherichia coli β-glucuronidase positive*	TCVN 7924-2: 2008 (ISO 16649-2: 2001)(a)	CFU/g	<10	-
3.	Định lượng Coliforms/*Enumeration of Coliforms*	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)(a)	CFU/g	<10	-
4.	Định lượng Staphylococcus aureus/*Enumeration of Staphylococcus aureus*	AOAC 975.55(a)	CFU/g	<10	-
5.	Định lượng nấm men và nấm mốc/*Enumeration of yeasts and moulds*	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)(a)	CFU/g	$8,0 \times 10^1$	-
6.	Phát hiện Salmonella spp./*Detection of Salmonella spp.*	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020(a)	/25g	KPH/ND	-
7.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/*Cadmium (Cd) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,015
8.	Hàm lượng Chì (Pb)/*Lead (Pb) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,05
9.	Hàm lượng Asen (As)/*Arsenic (As) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,03
10.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/*Mercury (Hg) content*	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,02
11.	Aflatoxin tổng số/*Aflatoxin total*	VLAB-CH-TP-599(a)	µg/kg	KPH/ND	2
12.	Aflatoxin B1	VLAB-CH-TP-599(a)	µg/kg	KPH/ND	0,5
13.	Saccharose	VLAB-CH-TP-685(a)	%	70,2	-

Ghi chú/ *Remark(s)*: Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – kỹ thuật đổ đĩa với hệ số pha loãng là 10, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <10 CFU/g./ *For the microbiological testing method – pour-plate technique with a dilution factor of 10, result of not detected colonies is reported as <10 CFU/g.*

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

M.S.D.N: 1001130116 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO
TỈNH THÁI BÌNH

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 1001130116

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 02 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 11 tháng 10 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIA BAO AGRICULTURAL PRODUCTS PROCESSING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GIABAO APP., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Cụm Công nghiệp Quỳnh Giao, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: *0987.936.965* Fax:

Email: *nongsanhoamai@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 2.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TĂNG VĂN HẢI Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: *14/05/1979* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *030079002270*

Ngày cấp: *05/10/2020* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

* Họ và tên: ĐỖ THỊ THANH NHÀN Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Phó Tổng giám đốc

Sinh ngày: *05/07/1988* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *025188001461*

Ngày cấp: *09/10/2019* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn An Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Phạm Thị Phương

GIẤY CHỨNG NHẬN

CERTIFICATE

Chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của
Food safety management system

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN NÔNG SẢN GIA BẢO

GIA BAO AGRICULTURAL PROCESSING JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở và khu vực sản xuất: Cụm công nghiệp Quỳnh Giao, xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Headquarters and production area: Quynh Giao Industrial Cluster, Minh Tho Commune, Hung Yen Province, Vietnam.

Đã được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn
Has been assessed and found to be in accordance with the requirements of

ISO 22000:2018

Trong lĩnh vực/ *For the following scope of registration:*

Sản xuất và đóng gói thực phẩm và đồ uống (*Bao gồm: Đường, sản phẩm sữa đóng chai, nước uống đóng chai, siro quả, sản phẩm ngâm đường, trà, trà nướng, trân châu, thạch và thực phẩm đóng hộp, mứt, sốt quả, siro đường*).

Production and packaging of food and beverages (Including: Sugar, bottled dairy products, bottled drinking water, fruit syrup, sugar-preserved products, tea, roasted tea, tapioca pearls, jelly and canned food, jam, fruit sauce, sugar syrup).

Chứng chỉ số/ *Certification No*: FSMS.2206202601-DGB
Ngày cấp/ *Issued date*: 22/06/2026
Ngày hết hạn/ *Valid date*: 21/06/2029

Giấy chứng nhận sẽ mất hiệu lực nếu khách hàng không vượt qua kỳ đánh giá giám sát hàng năm của DGB.

Đại diện DGB/ On behalf of DGB
Giám đốc/ Director

M.S.D.N: 1001209789 CÔNG TY TNHH TIÊU CHUẨN VÀ CHỨNG NHẬN DGB TỈNH HƯNG YÊN

PHẠM ANH TUẤN

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: https://dgb.com.vn

CÔNG TY TNHH TIÊU CHUẨN VÀ CHỨNG NHẬN DGB
Địa chỉ: Số 42B tổ dân phố 02, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Hotline: 0838.882.883

